Quyền tiếp cận thông tin: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn Việt Nam trong đại dịch Covid-19

TS VŨ THỊ THU QUYÊN
Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: quyenbctt@gmail.com

Nhận ngày 23 tháng 12 năm 2021; chấp nhận đăng tháng 03 năm 2022.

Tóm tắt: *Quyền tiếp cận thông tin là một trong các quyền cơ bản của con người, thuộc nhóm quyền dân sự và chính trị, được ghi nhận trong một số văn kiện quốc tế. Trong mấy thập niên vừa qua, nhiều quốc gia đã ban hành các văn bản pháp luật về quyền tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, việc chỉ ra nội hàm của quyền tiếp cận thông tin, các biện pháp pháp lý đảm bảo quyền này trên thực tế tại các quốc gia trên thế giới có sự khác nhau. Đặc biệt trong tình hình đại dịch Covid-19 hiện nay, quyền tiếp cận thông tin bị ảnh hưởng như thế nào là vấn đề được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Bài viết tham góp một vài khía cạnh về nội dung, giới hạn quyền tiếp cận thông tin trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay ở Việt Nam.*
Từ khóa: *tự do thông tin; tiếp cận thông tin; quyền con người; quyền tiếp cận thông tin; dịch Covid-19.*

Abstract: *The right of access to information, which belongs to civil and political rights, is recognized in a number of international documents as one of the most fundamental human rights. Although legislations on this right have been enacted for the past few decades, the contents and legal measures to ensure this right actually vary across countries. Many researchers are concerned about how this right is affected, particularly during the Covid-19 pandemic. The article contributes some contents and limits of the right to access information in the pandemic situation.*
Keywords: *freedom of information; access to information; human rights; right of access to information; Covid-19 pandemic.*

1. Nội dung và giới hạn của quyền tiếp cận thông tin

Trong bối cảnh của quản trị nhà nước, tiếp cận thông tin được hiểu là các cơ chế, phương thức mà các nhà nước (các cơ quan nhà nước) tiến hành để người dân biết được thông tin, bao gồm: đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin. Điều này cho thấy, người dân tiếp cận thông tin về hoạt động quản trị của nhà nước khi có sự cung cấp thông tin. Cung cấp thông tin được hiểu là các biện pháp để cơ quan nhà nước chuyển tải thông tin đến người dân, bao gồm việc cơ quan nhà nước công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân. Luật tiếp cận thông tin năm 2016 ở Việt Nam có giải thích một số từ ngữ: "Thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra"; "Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản" và "tiếp cận thông tin là việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin"[1]. Tiếp cận thông tin là hoạt động mang tính thường xuyên và

trở thành nhu cầu tất yếu của con người. Trên thế giới, vấn đề tiếp cận thông tin được ghi nhận trong nhiều công ước quốc tế và ở quốc gia đã xây dựng các luật về tiếp cận thông tin nhằm bảo đảm cho quyền tiếp cận thông tin của con người.

Khi chỉ ra khái niệm của quyền tiếp cận thông tin, trong pháp luật các nước, văn bản quốc tế không hoàn toàn giống nhau. Quyền tiếp cận thông tin có thể hiểu là quyền được tiếp cận các thông tin đang được các cơ quan công quyền quản lý, kiểm soát để thỏa mãn nhu cầu trong cuộc sống hay để bảo vệ và thực hiện các quyền khác được pháp luật ghi nhận. Thông tin theo cách hiểu trong "*Các nguyên tắc cơ bản của Luật Tự do thông tin"* do tổ chức ARTICALE 19[2] xây dựng, bao gồm tất cả các tài liệu được nắm giữ bởi một số tổ chức, cơ quan nào đó. Thông tin không phân biệt hình thức và cách thức được lưu trữ, nguồn gốc thông tin và ngày sản xuất. Theo đó, quyền tiếp cận thông tin bao gồm: quyền được xem các tác phẩm, tài liệu, hồ sơ, được ghi chép, trích dẫn, sao chụp các tài liệu, hồ sơ đó, được thu thập thông tin dưới dạng các đĩa mềm, thẻ nhớ hoặc bất kỳ dạng thiết bị điện tử nào.

Quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản của con người, thuộc nhóm quyền dân sự, chính trị đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về Nhân quyền (năm 1948). Tuyên ngôn này cho rằng: "Ai cũng có quyền tự do quan niệm và tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền không bị ai can thiệp vì những quan niệm của mình, và quyền tìm kiếm, tiếp nhận cùng phổ biến tin tức và ý kiến bằng mọi phương tiện truyền thông không kể biên giới quốc gia"[3] và Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị năm 1966 (viết tắt là ICCPR) quy định: "Mọi người có quyền tự do ngôn luận quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến mọi thông tin, ý kiến, bằng truyền khẩu, bút tự hay ấn phẩn dưới hình thức nghệ thuật, hay bằng bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ"[4].

Tuy ICCPR chưa đề cập đến thuật ngữ "quyền tiếp cận thông tin", nhưng tại Bình luận chung số 34 của Ủy ban Nhân quyền (viết tắt là HRC)[5], đã đặc biệt lưu ý đến quyền tiếp cận các thông tin được nắm giữ bởi cơ quan nhà nước. HRC giải thích rằng, quyền này được bao hàm trong khoản 2 Điều 19 ICCPR, theo đó, mọi người có quyền tiếp cận thông tin mà các cơ quan công quyền nắm giữ. Các thông tin ấy bao gồm các dạng hồ sơ do một cơ quan công quyền nắm giữ, bất kể hình thức lưu trữ, nguồn tin và ngày xác lập. Các cơ quan công quyền là các cơ quan nêu trong đoạn 7 của Bình luận chung này, gồm: "Tất cả mọi nhánh quyền lực nhà nước (hành pháp, lập pháp và tư pháp) và các cơ quan công quyền và tổ chức của chính phủ, dù ở cấp độ nào quốc gia, khu vực hay địa phương". Những cơ quan này, có thể cũng bao gồm các pháp nhân đang thực hiện chức năng công. Cũng theo quy định tại Điều 25 Công ước, quyền tiếp cận thông tin bao gồm một quyền mà với quyền ấy truyền thông được tiếp cận thông tin về các vấn đề công và quyền của công chúng nói chung được tiếp nhận sản phẩm truyền thông. Mỗi cá nhân có quyền xác định qua một hình thức dễ hiểu để xem rằng những dữ liệu cá nhân nào được lưu trữ dưới dạng các tập dữ liệu tự động và vì mục đích gì. Mỗi cá nhân cũng phải có thể xác định cơ quan công quyền hay cá nhân hay tổ chức nào kiểm soát hoặc có thể kiểm soát dữ liệu cá nhân của mình... nếu không đúng hoặc dữ liệu đó không được thu thập hay xử lý không theo quy định của pháp luật thì mọi cá nhân đều phải có quyền yêu cầu điều chỉnh dữ liệu của mình... (Đoạn 18). Tinh thần của quyền tiếp cận thông tin chính là sự công khai hóa các hoạt động, các thông tin do Nhà nước nắm giữ đối với công chúng.

Như vậy, các văn kiện nêu trên là nền tảng cho việc ghi nhận các quyền cơ bản của con người về dân sự, chính trị, mà quyền tiếp cận thông tin được coi là quyền cơ bản nhất trong nhóm các quyền dân sự, chính trị đó, và có nhiều công ước quốc tế sau này tiếp tục ghi nhận.

Xét về tính chất, quyền tiếp cận thông tin thể hiện mối quan hệ tương tác về thông tin giữa ba

dạng chủ thể chính: các cơ quan nhà nước (khu vực nhà nước), các doanh nghiệp (khu vực kinh doanh) và các tổ chức, cá nhân công dân (xã hội dân sự). Quyền tiếp cận thông tin có thể nghiên cứu từ các nội dung sau:

Một là, quyền tiếp cận thông tin phản ánh về một khả năng của "chủ thể quyền" được nhận những thông tin nhất định qua các phương tiện truyền thông công khai, đã và đang hiện có mà không cần phải yêu cầu. Quyền này gắn liền với trách nhiệm (sự chủ động) của "chủ thể có nghĩa vụ" bảo đảm công khai những thông tin và hoạt động của mình một cách thường xuyên và đầy đủ. Về phía "chủ thể quyền", việc thực hiện vừa mang tính chủ động (*sự tìm kiếm thông tin*), vừa mang tính bị động (*được cung cấp thông tin)*.

Hai là, sự tìm kiếm thông tin đề cập đến khả năng của "chủ thể quyền" được yêu cầu "chủ thể có nghĩa vụ" cung cấp những thông tin mà mình cần hoặc quan tâm trong phạm vi khuôn khổ pháp luật cho phép. Điều này gắn liền với trách nhiệm (sự bị động) cung cấp thông tin của "chủ thể có nghĩa vụ" khi có yêu cầu của "chủ thể quyền" (sự chủ động).

Ba là, sự phổ biến thông tin phản ánh khả năng của "chủ thể quyền" được truyền đạt, chia sẻ quan điểm, thông tin với các chủ thể quyền khác, không phân biệt đối tượng hay cách thức phổ biến (sự chủ động). Điều này gắn liền với trách nhiệm (sự bị động) của "chủ thể có nghĩa vụ" tôn trọng, không được thực hiện bất cứ hành vi nào nhằm ngăn cản quan hệ trao đổi, phổ biến thông tin của các chủ thể quyền.

Quyền tiếp cận thông tin là một quyền có giới hạn, việc xác định các điều kiện hạn chế tiếp cận thông tin được xác định trong hệ thống pháp luật. Giới hạn quan trọng đối với quyền tiếp cận thông tin là phạm vi thông tin được tiếp cận. Phạm vi thông tin được tiếp cận loại trừ các thông tin mà việc cung cấp có thể gây hại đối với các lợi ích quan trọng mà nhà nước có trách nhiệm bảo vệ như thông tin bí mật nhà nước, thông tin mà việc cung cấp có thể gây nguy hại cho nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ...

Trong luật pháp quốc tế, quyền tiếp cận thông tin không phải là một quyền tuyệt đối. Có nghĩa là, việc thực hiện quyền này phải chịu những "giới hạn theo luật định" và "là cần thiết" để: (1) Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác; (2) Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức công chúng; (3) Nghiêm cấm tuyên truyền cho chiến tranh; chủ trương kích động, gây thù hằn dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo.

Việc chỉ ra các hạn chế với quyền này, trong Bình luận chung số 34, HRC nhấn mạnh trong đoạn 21: Tuy nhiên, khi quốc gia thành viên đặt ra những hạn chế với việc thực hành quyền tự do biểu đạt, các biện pháp hạn chế này không được làm ảnh hưởng đến bản chất của quyền.

2. Quyền tiếp cận thông tin trong đại dịch Covid-19 ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 1992 lần đầu tiên xác định quyền được thông tin là quyền cơ bản của công dân. Cụ thể hóa Hiến pháp, cùng với quá trình đổi mới kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, trong những năm qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, quy định về thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền được thông tin của công dân trong một số lĩnh vực.

Hiến pháp năm 2013 kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1992 về quyền được thông tin và sửa đổi thành quyền tiếp cận thông tin của công dân: "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định"[6].

Tiếp tục cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 và để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin

của công dân, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin; trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Điều 3 của Luật này chỉ rõ: "Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng" và "Việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác".

Như vậy, pháp luật Việt Nam hiện hành đã ghi nhận quyền tiếp cận thông tin ở những mức độ khác nhau trong các lĩnh vực cụ thể như: (i) Quyền tự do tìm kiếm, trao đổi thông tin: Cá nhân, tổ chức có thể tìm kiếm thông tin thông qua môi trường mạng internet[7], bên cạnh việc tìm kiếm thông tin bằng các phương tiện nghe, nhìn và trong sách, báo truyền thống; (ii) Quyền tiếp cận thông tin thông qua việc các cơ quan nhà nước công bố, công khai thông tin do mình nắm giữ[8] hoặc bằng cách yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin[9] (trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước). Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin; thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ; việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật...

Theo Luật Tiếp cận thông tin, quyền được thông tin của công dân thể hiện thông qua các nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin, thông tin được tiếp cận, thông tin không được tiếp cận, thông tin được tiếp cận có điều kiện, công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu,… Bên cạnh, quy định cụ thể các quyền và nghĩa vụ của công dân trong tiếp cận thông tin, Luật này cũng quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong công khai thông tin, cung cấp thông tin cho công dân. Đồng thời, quy định cơ chế giám sát việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, xử lý vi phạm về quyền tiếp cận thông tin; Luật cho phép công dân có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về tố tụng hành chính.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, nhiều quốc gia đang chứng kiến sự khốc liệt của đại dịch. Đại dịch này đã làm thay đổi thế giới ở nhiều phương diện, đặt ra những thách thức to lớn đối với các quốc gia và Việt Nam, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống, ảnh hưởng đến quyền tiếp cận thông tin của người dân.

Thứ nhất, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác, sự cân bằng giữa các biện pháp phòng chống dịch bệnh (như thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế đi lại, công bố thông tin về dịch bệnh…) với việc tôn trọng và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân không phải lúc nào cũng đạt được. Điều này cho thấy "giới hạn quyền vì lý do sức khỏe cộng đồng" trong hệ thống pháp luật Việt Nam sẽ trở thành "rào cản" đối với quyền tiếp cận thông tin. Trong thực tiễn, do tính phức tạp của dịch Covid-19 mà người dân phải giãn cách, cách ly hoặc bị phong tỏa. Việc tiếp cận thông tin từ phía các cơ quan nhà nước, từ đội ngũ công chức cũng theo đó khó, hoặc không thể được thực hiện. Việc đăng tải, công khai thông tin, cung cấp thông tin trong nhiều trường hợp, nhiều tình huống có thể không được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu, nhu cầu tiếp cận thông tin của tổ chức và cá nhân do tính khẩn cấp và ưu tiên cho công tác phòng, chống dịch. Một trong những yếu tố quan trọng nhằm thu hút sự tham gia của công chúng vào các công việc xã hội đó chính là việc người dân tiếp cận thông tin như thế nào. Người dân chỉ thực sự có khả năng tham gia công tác phòng, chống dịch khi họ có đầy đủ thông tin về những cơ chế và việc tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch Covid-19 và thực tiễn diễn biến của dịch. Thời gian qua, Nhà nước, các cấp chính quyền từ trung

ương đến cơ sở đã nỗ lực trong việc xây dựng cơ chế và các biện pháp đảm bảo để người dân có thể tiếp cận thông tin về tình hình dịch Covid-19 nhanh nhất, phù hợp nhất.

Thứ hai, ở Việt Nam hiện nay, việc đảm bảo tiếp cận thông tin của người dân trong bối cảnh đại dịch bị tác động của cả nhu cầu được tiếp cận thông tin và cả sự tự do thông tin. Từ góc độ của công tác phòng, chống dịch, việc công khai tình hình và các biện pháp phòng chống dịch là một trong những công cụ quan trọng để đẩy lùi Covid-19 và nâng cao ý thức của người dân. Khi phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội ngày càng phổ biến trong dân chúng đã và đang trở thành kênh thông tin hữu ích giúp mọi người tiếp cận, cập nhật tình hình, diễn biến, công tác phòng, chống dịch Covid-19 một cách nhanh chóng, kịp thời. Không thể phủ nhận vai trò của quá trình tự do thông tin. Quá trình này đã và đang được người dân sử dụng nhằm thúc đẩy các chủ thể có thẩm quyền phải có phản ứng và hành động một cách nhanh chóng hơn với tình hình dịch Covid-19. Ví dụ như: dịch vụ y tế đối với người dân, an sinh xã hội trong dịch Covid-19 như thế nào, sự tự do đi lại và tự do cá nhân trong tình trạng dịch bệnh đang lây lan và mức độ nguy hiểm, phức tạp càng gia tăng,…

Tuy nhiên, sự tự do thông tin đã và và đang ảnh hưởng đến việc được tiếp cận thông tin về dịch bệnh của người dân. Vấn đề tin sai lệch, tin giả, tin xấu, độc về dịch Covid-19 tràn lan, gia tăng về tần suất, khiến cho việc điều hành công tác phòng, chống dịch gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, điều này cũng phản ánh thực tế quyền được tiếp cận thông tin chính xác, chính thống của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 đã quy định trách nhiệm thông tin về phòng, chống bệnh truyền nhiễm tại Điều 12[(10)]. Nội dung quy định này đã khẳng định, chỉ những cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu có thẩm quyền theo luật định mới xây dựng, cung cấp thông tin liên quan đến dịch bệnh Covid-19. Đây là những cơ quan, tổ chức, đơn vị tạo ra thông tin hoặc nhận được thông tin từ các cơ quan nhà nước để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định. Thông tin từ những cơ quan, tổ chức, đơn vị có được, đều được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước tạo ra thông tin ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản. Những thông tin liên quan đến dịch bệnh Covid-19 không phải do cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu trong Điều 12 của Luật này cung cấp đều là không chính thức.

Thứ ba, trong bối cảnh dịch Covid-19 hiện nay ở Việt Nam, nội dung thông tin được tiếp cận cũng là vấn đề được quan tâm. Người dân được tiếp cận những thông tin gì về dịch Covid-19 là câu hỏi xuất hiện khá phổ biến trong thời gian qua. Theo quy định của khoản 1 Điều 10, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007, mọi người đều được tiếp cận thông tin về phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Trong đó, nội dung thông tin người dân được tiếp cận trong tình hình dịch bệnh bao gồm: (i) Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống dịch Covid-19; (ii) Nguyên nhân, đường lây truyền, cách nhận biết bệnh và các biện pháp phòng, chống lây nhiễm virus Corona; (iii) Hậu quả của dịch Covid-19 đối với sức khoẻ, tính mạng con người và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; (iv) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống dịch Covid-19.

Từ khi xuất hiện dịch Covid-19 đến nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường trực Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ban ngành, chính quyền các địa phương đã có nhiều văn bản chỉ đạo, huy động sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị, sự tham gia của toàn dân vào công cuộc phòng, chống dịch bệnh này. Nội dung các văn bản quy định: (1) Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cả nước phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do virus Corona gây ra; (2) Huy động sức mạnh toàn dân, chung tay, đồng lòng phòng, chống dịch bệnh và thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng, chống dịch Covid-19; (3)

Hướng dẫn người dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị các biện pháp pháp lý, kỹ thuật, xã hội trong quá trình tổ chức và thực hiện phòng, chống lây nhiễm virus Corona.

Bên cạnh đó, các thông tin cụ thể về diễn biến của dịch Covid-19 được các chủ thể có thẩm quyền như: Bộ Y tế, chính quyền các địa phương công khai trên cổng thông tin hoặc các phương tiện thông tin đại chúng để người dân, các chủ thể khác dễ dàng tiếp nhận. "Bức tranh" về tình hình dịch Covid-19 hàng ngày, hoặc theo các khung thời gian được các chủ thể có thẩm quyền công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các thông tin khác về dịc Covid-19 như: Ủng hộ công tác phòng, chống dịch, tình hình tiêm chủng,… cũng được cập nhật và thông tin thường xuyên để người dân theo dõi và nắm bắt một cách chính xác, đầy đủ.

Thứ tư, cùng với việc quy định những thông tin được tiếp cận, pháp luật Việt Nam hiện nay cũng quy định một số giới hạn của quyền tiếp cận thông tin trong đại dịch Covid-19. Mục đích của việc quy định giới hạn này nhằm tránh gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức khác. Ví dụ: Thông tin liên quan đến người nhiễm virus Corona là thông tin về quyền riêng tư, là bí mật của cá nhân. Do vậy, việc một người nào đó (ngoài các chủ thể có thẩm quyền theo quy định của pháp luật như bác sĩ, chính quyền địa phương) muốn tiếp cận thông tin cá nhân của người nhiễm virus Corona phải được sự đồng ý của họ. Trong trường hợp đặc biệt, vì lý do và yêu cầu của việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các chủ thể có thẩm quyền (người đứng đầu cơ quan nhà nước) được quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến người nhiễm virus Corona mà không cần có sự đồng ý người đó. Việc cung cấp thông tin chỉ được tiến hành trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng và phải tiến hành theo quy định của luật có liên quan.

Cùng với việc quy định về giới hạn tiếp cận thông tin, các hành vi bị nghiêm cấm đối với người thực hiện quyền tiếp cận thông tin cũng được quy định bao gồm: (1) Cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc cung cấp thông tin; hủy hoại thông tin; làm giả thông tin; (2) Cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực; (3) Cung cấp hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức; (4) Cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin[11].

Tóm lại, quyền tiếp cận thông tin nói chung, tiếp cận thông tin trong tình hình dịch Covid-19 hiện nay là một trong những yêu cầu của việc bảo đảm và thúc đẩy thực thi, bảo vệ quyền con người nói chung. Trong điều kiện thực tiễn của mỗi quốc gia, việc quy định và thực thi pháp luật về vấn đề này có những điểm chung và cả những khác biệt nhất định. Việt Nam là quốc gia đã và đang thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế trên lĩnh vực quyền con người; đồng thời đã xây dựng được những cơ chế, chính sách cụ thể để quyền tiếp cận thông tin trong đại dịch Covid-19 phù hợp với chuẩn mực và nguyên tắc chung về vấn đề này./.

(1) Điều 2, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

(2) ARTICALE 19: là tổ chức phi chính phủ quốc tế chuyên hoạt động thúc đẩy quyền tự do biểu đạt và thông tin trên thế giới.

(3) Điều 19 Tuyên ngôn thế giới về Nhân quyền năm 1948.

(4) Khoản 2 Điều 19 Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị năm 1966.

(5) Bình luận chung số 34 của Ủy ban nhân quyền, kỳ họp 102 (từ ngày 11 đến 29.7.2011) tại Geneve, Thụy Sỹ được thông qua để thay thế Bình luận chung số 10 về Điều 19 ICCPR.

(6) Điều 25 Hiến pháp năm 2013.

(7) Xem Điều 8 Luật Công nghệ thông tin.

(8) Xem Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(9) Xem Điều 86 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

(10) Xem Điều 12, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.

(11) Xem Điều 11, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.